

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06 /PVTM-P3

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2021

V/v Canada điều tra chống bán phá giá và
chống trợ cấp đối với sản phẩm ghế bọc đệm
của Việt Nam

Kính gửi: Các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu
ghế bọc đệm sang Canada

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, Cơ quan Biên phòng Canada (Cơ quan điều tra Canada - CBSA) đã khởi xướng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm ghế bọc đệm có xuất xứ từ Việt Nam. Liên quan đến vấn đề này, Cục Phòng vệ thương mại (PVTM) xin trao đổi với Công ty một số nội dung sau:

1. Thông tin vụ việc

- Sản phẩm bị điều tra: sản phẩm ghế bọc đệm có mã mã HS 9401.40; 9401.61 và 9401.71.

- Thời kỳ điều tra (POI): từ 01/6/2019 đến hết 30/11/2020. Đây là thời kỳ CBSA thu thập các thông tin, dữ liệu từ Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam để đưa ra các kết luận về sự tồn tại của hành vi bán phá giá, nhận trợ cấp.

- Thông tin chi tiết vụ việc và khuyến nghị ứng phó: Vui lòng xem tại http://trav.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=061fcf6d-54dd-4a7b-9293-33e0c3c218ad&id=c6f56637-7bdb-485e-b40e-3aa438c8ef24

2. Đề nghị phối hợp, cung cấp thông tin

Thông tin sơ bộ cho thấy Công ty đã xuất khẩu hàng hóa nêu trên trong thời kỳ điều tra. Do vậy, Công ty được coi là Bị đơn trong vụ việc và có thể bị áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp trong trường hợp CBSA đưa ra kết luận khẳng định có sự tồn tại của hành vi bán phá giá, nhận trợ cấp và trên thực tế, Công ty đã được hưởng lợi ích từ các trợ cấp này.

Bên cạnh doanh nghiệp, Canada cũng đề nghị Chính phủ Việt Nam trả lời Bản câu hỏi về trợ cấp và tình hình thị trường đặc biệt do CBSA ban hành. Để đảm bảo sự nhất quán về nội dung trả lời, Cục PVTM đề nghị Công ty cung cấp các thông tin dưới đây:

2.1. Công ty có sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra hay không? Nếu có, đề nghị Công ty cung cấp lượng và trị giá xuất khẩu sang Canada trong giai đoạn 2016 – 2020, đặc biệt trong thời kỳ điều tra theo Mục 1 Công văn này.

2.2. Công ty có sẵn sàng tham gia vụ việc, trả lời các Bản câu hỏi điều tra và cam kết hợp tác đầy đủ và toàn diện với CBSA hay không? (Trong trường hợp không tham gia, đề nghị nêu rõ lý do). Xin lưu ý rằng sự bất hợp tác hoặc hợp tác không đầy đủ có thể dẫn tới tác động tiêu cực cho chính Công ty và các công ty khác trong ngành. Do đó, Cục PVTM khuyến nghị Công ty nghiêm túc cân nhắc việc hợp tác đầy đủ và toàn diện với CBSA.

2.3. Trong trường hợp tham gia vụ việc để bảo vệ thị trường xuất khẩu, đề nghị Công ty cung cấp thông tin liên lạc của đầu mối (tên, chức vụ, số điện thoại di động, email) và các thông tin, tài liệu được liệt kê trong các Phụ lục từ 1 đến 5 kèm theo Công văn này.

3. Thời hạn cung cấp thông tin

- Đối với các yêu cầu tại mục 2.1 và 2.2, đề nghị Công ty cung cấp thông tin tới Cục PVTM trước 17h00 ngày 11 tháng 01 năm 2021 bằng công văn hoặc email.

- Đối với yêu cầu tại mục 2.3, đề nghị Công ty cung cấp thông tin tới Cục PVTM trước 17h00 ngày 19 tháng 11 năm 2021 bằng công văn và email.

Thông tin chi tiết xin liên hệ cán bộ xử lý vụ việc: Ông Nguyễn Đức Dũng – Chuyên viên – Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài. Địa chỉ: Tầng 8, 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Điện thoại: (024) 7303 7898 (máy lẻ 121). Di động: 0902.105.207. Email: dungnd@moit.gov.vn; ducpg@moit.gov.vn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đỗ Thăng Hải (để b/c);
- TT Trần Quốc Khánh (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, P3(2), dungnd.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



[Handwritten signature]
Phạm Châu Giang

PHỤ LỤC 1

(kèm theo công văn số 06 /PVTM-P3 ngày 05 tháng 01 năm 2021)

DANH SÁCH TÀI LIỆU, THÔNG TIN DOANH NGHIỆP CUNG CẤP

Vụ việc Canada điều tra chống bán phá giá và trợ cấp đối với một số sản phẩm
ghê bọc đệm có xuất xứ từ Việt Nam

Giai đoạn điều tra: Từ 01/6/2019 đến 30/11/2020

A. Một số thông tin chung

1. Về Công ty

1.1. Cung cấp cấu trúc sở hữu của Công ty theo biểu đồ. Đề nghị chỉ rõ tỷ lệ vốn sở hữu của Chính phủ (nếu có) và các cổ đông khác trong công ty, bao gồm tỷ lệ sở hữu vốn tại công ty mẹ và các công ty con (nếu có).

1.2. Chỉ rõ vai trò và chức năng của từng cổ đông, bao gồm việc họ có tham gia vào sản xuất hàng hóa bị điều tra hoặc các sản phẩm thép khác hay không?

1.3. Nếu công ty không sản xuất hàng hóa bị điều tra, vậy công ty nhập hàng từ doanh nghiệp nào?

1.4. Từ thời điểm thành lập tới nay, Công ty có khảo sát tổng cầu thị trường trong nước đối với hàng hóa bị điều tra hay không? Nếu có, đề nghị cung cấp số liệu tổng cầu thị trường trong nước đối với hàng hóa bị điều tra trong giai đoạn 2016 – 2020?

1.5. Đề nghị hoàn thành đầy đủ Phụ lục 2 kèm theo.

B. Các chương trình trợ cấp

1. Thuế

1.1. Cho biết trong giai đoạn điều tra, Công ty có được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp hay không? Nếu có, vui lòng nêu rõ các ưu đãi được hưởng.

1.2. Cung cấp bản sao các bản Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty (bản đăng ký ban đầu và các bản sửa đổi, bổ sung cho tới nay). Đề nghị nêu rõ hoặc đánh dấu các lần sửa đổi, bổ sung có liên quan tới sự thay đổi về các ưu đãi về thuế của Chính phủ đối với Công ty?

1.3. Cung cấp bản sao các tờ khai thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của Công ty trong giai đoạn 01/6/2019 – 30/11/2020 bao gồm các phụ lục của Tờ khai. Đề nghị nêu rõ hoặc đánh dấu các khoản mục thuế được ưu đãi trong tờ khai thuế TNDN nêu trên.

1.4. Cung cấp bản sao báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty trong giai đoạn 2016 – 2020 bao gồm các thuyết minh chi tiết. Đề nghị nêu rõ hoặc đánh dấu các khoản mục thuế được ưu đãi trong các báo cáo tài chính nêu trên.

1.5. Công ty có nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu hay không? Nếu có, Công ty có được miễn, giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất

khẩu hay không? Nếu có, đề nghị cung cấp bảng kê thuế nhập khẩu nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu (**Phụ lục 3.1 về Thuế nhập khẩu kèm theo**).

1.6. Công ty có được miễn, giảm thuế nhập khẩu để tạo tài sản cố định hay không? Nếu có, đề nghị cung cấp các bảng kê thuế nhập khẩu các loại tài sản cố định được miễn, giảm (**Phụ lục 3.2 về Thuế nhập khẩu kèm theo**).

1.7. Công ty có được miễn hoặc giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp cho giai đoạn 01/6/2019 – 30/11/2020. Cung cấp tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và chứng từ nộp thuế cho giai đoạn 01/6/2019 – 30/11/2020.

2. Khấu hao nhanh tài sản cố định

2.1. Trong giai đoạn điều tra, Công ty có hay không thực hiện khấu hao nhanh? Nếu có, đề nghị giải thích rõ cơ sở pháp lý, quy trình và kết quả của việc thực hiện khấu hao nhanh.

3. Thuê đất

3.1. Công ty thuê đất để làm địa điểm nhà máy từ Chính phủ hay từ một đơn vị khác (ví dụ: từ công ty phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp hoặc thuê từ cá nhân, tổ chức khác)?

a. Nếu Công ty thuê đất từ Chính phủ, đề nghị cung cấp Bản sao hợp đồng thuê đất, Thông báo nộp tiền thuê đất cho giai đoạn 01/6/2019 – 30/11/2020. Nếu Công ty được miễn, giảm tiền thuê đất trong giai đoạn này, vui lòng cho biết thông tin cụ thể (miễn bao nhiêu lâu, miễn từ năm nào, giảm bao nhiêu % và giảm từ năm nào, và cơ sở pháp lý của việc miễn hoặc giảm)

b. Nếu Công ty thuê đất từ công ty phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp hoặc khu chế xuất hoặc từ cá nhân, tổ chức khác..., đề nghị cung cấp Bản sao hợp đồng thuê đất và chứng từ thanh toán tiền thuê đất cho giai đoạn 01/6/2019 – 30/11/2020.

4. Vay, tín dụng

4.1. Đối với các khoản vay ngắn hạn, đề nghị cho biết trong giai đoạn 01/6/2019 – 30/11/2020, Công ty có vay hoặc có dư nợ các khoản vay tại các ngân hàng thương mại có vốn của nhà nước (ví dụ Agribank, Vietcombank, BIDV, Vietinbank...) hay không? Nếu có, đề nghị cho biết các khoản vay này có thuộc đối tượng hưởng các chương trình ưu đãi cho vay của ngân hàng (ví dụ: lãi suất ưu đãi cho doanh nghiệp xuất khẩu hoặc hỗ trợ lãi suất...). Đây là các ưu đãi theo quy định của Chính phủ hay do Công ty tự thỏa thuận với ngân hàng cung cấp khoản vay? Đề nghị làm rõ cơ sở ưu đãi của Chính phủ hoặc bản chất thỏa thuận với ngân hàng (nếu có).

4.2. Đối với các khoản vay trung, dài hạn, đề nghị cho biết trong giai đoạn từ 01/6/2019 – 30/11/2020, Công ty có vay hoặc có dư nợ các khoản vay tại các ngân hàng thương mại có vốn của nhà nước (ví dụ Agribank, Vietcombank, BIDV, Vietinbank...) hay không? Nếu có, đề nghị cho biết các khoản vay này có thuộc đối tượng hưởng các chương trình ưu đãi cho vay của ngân hàng (ví dụ: lãi suất ưu đãi cho doanh nghiệp xuất khẩu hoặc hỗ trợ lãi suất...). Đây là các ưu đãi theo quy định của Chính phủ hay do Công ty tự thỏa thuận với ngân hàng cung cấp khoản vay? Đề nghị làm rõ cơ sở ưu đãi của Chính phủ hoặc bản chất thỏa thuận với ngân hàng (nếu có).

4.3. Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) hoặc Chính phủ có cung cấp khoản vay, miễn, giảm lãi suất đối với các khoản vay; hoặc bảo lãnh đối với bất cứ khoản vay nào của Công ty từ các ngân hàng thương mại trong giai đoạn từ 01/6/2019 – 30/11/2020 hay không? Nếu có đề nghị cung cấp thông tin về trị giá khoản vay, tỷ lệ và trị giá của lãi suất được miễn giảm, và chi tiết việc bảo lãnh này (bao gồm thông tin số hợp đồng vay, trị giá khoản vay, lãi suất, trị giá bảo lãnh, thời gian bảo lãnh, điều kiện bảo lãnh...)

4.4. Trong giai đoạn 01/6/2019 – 30/11/2020, Công ty có sử dụng công cụ bao thanh toán xuất khẩu tại bất cứ ngân hàng nào trong nhóm Agribank, Vietcombank, BIDV và Vietinbank hay không?

4.5. Trong giai đoạn 01/6/2019 – 30/11/2020, công ty có vay vốn từ Agribank, Vietcombank, BIDV và Vietinbank với lãi suất ưu đãi dành riêng cho doanh nghiệp xuất khẩu hay không?

4.6. Trong giai đoạn 01/6/2019 – 30/11/2020, Công ty có vay hoặc có khoản vay còn dư nợ theo chương trình tín dụng xuất khẩu hoặc tín dụng đầu tư tại VDB hay không?

4.7. Đề nghị cung cấp thông tin chi tiết theo **Phụ lục 4 về Khoản vay ngân hàng.**

5. Nguyên liệu đầu vào

5.1. Đề nghị Công ty mô tả quy trình sản xuất hàng hóa bị điều tra và hoàn thành **Phụ lục 5 về Nhà cung cấp nguyên liệu.**

PHỤ LỤC 2

Thông tin chung của Doanh nghiệp

Giai đoạn điều tra: 01/6/2019 - 30/11/2020

Tên doanh nghiệp (bằng Tiếng Anh)	Địa chỉ	Vai trò của doanh nghiệp (nhà sản xuất/nhà xuất khẩu/nhà khâu/nhà buôn bán)	Loại hình doanh nghiệp (tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài,..)	Có bị sở hữu bởi bất cứ Công ty/Tập đoàn nào của nhà nước hoặc có vốn nhà nước hay không (có/không). Nếu có thì ghi tên Công ty/Tập đoàn đó)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty/Tập đoàn nhà nước được nêu tên ở cột E	Công ty có sản xuất hàng hóa bị điều tra hay không?	Tổng sản lượng sản xuất hàng hóa bị điều tra của doanh nghiệp trong giai đoạn điều tra	Doanh thu từ việc bán hàng hóa bị điều tra trong giai đoạn điều tra	Chính phủ Việt Nam có phải cổ đông của doanh nghiệp không? Tỷ lệ nắm giữ của CPVN (nếu có)	Đại diện của CPVN tại doanh nghiệp (nếu có)	Tổng lợi nhuận thu được đối với việc bán hàng hóa bị điều tra
A	B	C	D	E	F	G	G	I	J	K	L

PHỤ LỤC 3.2

**Danh sách các trang thiết bị, máy móc được miễn/giảm thuế nhập khẩu
(Giai đoạn 01/6/2019 - 30/11/2020)**

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	18	19	20	21		
Ngày mua/ Ngày trên tờ khai	Số tờ khai	Tên máy móc, thiết bị (tiếng Việt)	Tên máy móc, thiết bị (tiếng Anh)	Xuất xứ	Có Chứng nhận xuất xứ hưởng thuế NK ưu đãi hay không (Có/Không)	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (nguyên tệ)	Đơn vị tiền tệ	Trị giá (nguyên tệ)	Tỷ giá	Trị giá (VN Đ)	Thuế suất nhập khẩu (%) theo biểu thuế MFN	Thuế suất nhập khẩu (%) theo biểu thuế ưu đãi dựa vào Chứng nhận xuất xứ ưu đãi	Miễn thuế (Có/không)	Giảm thuế (Có/ Không)	Tỷ lệ % số thuế được giảm (%)	Cơ sở pháp lý cho miễn/giảm		

PHỤ LỤC 4

Thông tin về các khoản vay tại Ngân hàng mà còn dư nợ trong giai đoạn từ 01/6/2019 - 30/11/2020

STT	Tên ngân hàng vay (ví dụ như là VDB, Vietinbank, Vietcombank, BIDV, Agribank...)	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Ngày nhận nợ	Trị giá khoản vay thực nhận theo hợp đồng này (VND)	Thời hạn vay	Khoản vay theo chương trình tín dụng xuất khẩu hay tín dụng đầu tư	Tính đến ngày 30/11/2020 đã tất toán khoản vay hay chưa (có/chưa)	Ngày tất toán	Số tiền gốc đã thanh toán	Số tiền lãi đã thanh toán	Nếu cột I trả lời là "không", hoàn thành thông tin ở cột K và L	
												Số tiền gốc đã thanh toán tính đến ngày 30/11/2020	Số tiền lãi đã thanh toán tính đến ngày 30/11/2020
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N

PHỤ LỤC 5

Thông tin về nhà cung cấp nguyên liệu chính của Công ty trong giai đoạn 01/4/2019-30/11/2020

STT	Tên nhà cung cấp (tên)	Nước xuất xứ	Có mối quan hệ liên kết với Công ty hay không (Có/Không)	Loại nguyên liệu (cuộn cán nóng, cuộn cán nguội, cuộn thép mạ,...)	Lượng nguyên liệu (tấn)	Trị giá (VNĐ). Nếu là ngoại tệ khác (cung cấp tỷ giá quy đổi)	Nguyên liệu có được SX bởi nhà cung cấp ở cột B (có/Không)	Tên nhà sản xuất nguyên liệu	Có mối quan hệ liên kết với Công ty hay không (Có/Không)	Có mối quan hệ liên kết với Nhà nước/Chính phủ hoặc thực hiện nhiệm vụ cho Nhà nước/Chính phủ giao hay không?	Nhà cung cấp ở cột B có bị nhà hữu bởi nhà nước hay không (có/không)
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L

Ví dụ về quan hệ liên kết: A và B được coi là liên kết nếu (i) A có sở hữu B hoặc ngược lại, (ii) A và B cùng sở hữu C, (iii) A và B cùng được sở hữu bởi C, hoặc (iv) A kiểm soát B thông qua mối quan hệ anh em, vợ chồng, bố mẹ và con cái của những cổ đông của A và B hoặc cùng chung nhân sự giữ vị trí cấp cao như Chủ tịch HĐQT quản trị/HĐ thành viên hoặc Tổng giám đốc/ Giám đốc

